

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 03-12-2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LONG AN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Võ Thu Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Kim Tuyền;
2. Bà Nguyễn Thị Bích Phượng;

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thanh Tuyền – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Ngày 03 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 83/2021/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2021 về Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh M, sinh năm: 1969;
Địa chỉ: Ấp 1, xã L.C, huyện C, tỉnh Long An, có mặt.
2. *Bị đơn:* Ông Bùi Ngọc T, sinh năm: 1958;
Địa chỉ: Ấp 1, xã L.C, huyện C, tỉnh Long An, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh M cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án như sau:

Bà M và ông T cưới nhau năm 1994, hôn nhân của vợ chồng bà do M mới. Vợ chồng có đăng ký kết hôn vào ngày 10/7/2012 tại Ủy ban nhân dân xã L.C, huyện C, tỉnh Long An. Thời gian đầu sau khi cưới nhau, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T có tính gia trưởng, không có trách nhiệm với gia đình mà chỉ sống cho riêng bản thân mình, mọi chi phí sinh hoạt trong gia đình đều do bà M lo nhưng ông T lại thường xuyên yêu cầu bà M giao tiền cho ông T quản lý. Ông T có tính hay ghen tuông, có những lời lẽ xúc phạm bà M, thậm chí ông T còn chửi bới đánh đập, hành hạ bà M. Bà M đã cố gắng chịu đựng nhiều năm nay nhưng ông T cũng không thay đổi mà ngày càng hung hăng, chửi mắng vô cớ. Vợ chồng bà đã sống ly thân từ tết năm 2021 cho đến nay. Nay bà M nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa, nên bà M yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Bùi Ngọc Minh Thương, sinh ngày 26/4/2002, con chung đã trưởng thành, bà M không có yêu cầu gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thanh M khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Bùi Ngọc T, ông T có nơi cư trú tại Ấp 1, xã L.C, huyện C, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Ông Bùi Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với ông T.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh M và ông Bùi Ngọc T có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L.C cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 23, quyền số 01, ngày 10/7/2012, nên xác định hôn nhân giữa bà M và ông T là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo bà M, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T có tính gia trưởng, không có trách nhiệm với gia đình mà chỉ sống cho riêng bản thân mình, mọi chi phí sinh hoạt trong gia đình đều do bà M lo nhưng ông T lại thường xuyên yêu cầu bà M giao tiền cho ông T quản lý. Ông T có tính hay ghen tuông, có những lời lẽ xúc phạm bà M, thậm chí ông T còn chửi bới đánh đập, hành hạ bà M. Bà M đã cố gắng chịu đựng nhiều năm nay nhưng ông T cũng không thay đổi mà ngày càng hung hăng, chửi mắng vô cớ. Bà M có tìm giải pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng để duy trì quan hệ hôn nhân nhưng không có kết quả dẫn đến việc vợ chồng bà đã sống ly thân từ tháng 6/2020. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T nhưng ông T không đến tòa án tham gia hòa giải theo thông báo của Tòa án. Tại phiên tòa, bà M vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông T. Hội đồng xét xử xét thấy bà M và ông T đều không có thiện chí hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, cũng như duy trì đời sống hôn nhân. Qua đó, có đủ cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa bà M và ông T không còn, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M và ông T.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà M và ông T có một người con chung tên Bùi Ngọc Minh Thương, sinh ngày 26/4/2002, con chung đã trưởng thành, bà M không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, ông T không có ý kiến phản hồi về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét. Về nợ chung, bà M xác định không có, ông T không có ý phản hồi về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà M phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 9, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh M về việc yêu cầu ly hôn đối với bị đơn ông Bùi Ngọc T.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh M phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà M đã nộp theo biên lai số 0009479 ngày 01 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C sang án phí.

Bản án sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- UBND xã L.C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Võ Thu Xuân

